

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29 / 8 /2022

V/v: "*Kiến xin ly hôn*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Xuân Văn

2. Bà Phan Thị Lan Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Long - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2022/TLST – HNGĐ ngày 19/4/2022 về việc "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2022/ QĐST-HNGĐ ngày 02/8/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1995; Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố Thủy S, phường Quảng L, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình; Chị Trần Thị Thu H có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lưu Đức T, sinh năm 1991; Nơi đăng ký HKTT: Số 134 đường F325, phường Bắc L, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình; Anh Lưu Đức T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 07/3/2022, được bổ sung tại bản tự khai, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lưu Đức T đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường Hoà P, quận Cẩm L, thành phố Đà Nẵng vào ngày 01/3/2017, kết hôn trên tinh thần tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị về sống chung tại phường Bắc L, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Trong cuộc sống, vợ chồng luôn xảy ra bất đồng về quan điểm, lối sống, mâu thuẫn nặng nề vì không ai yêu thương ai, vợ chồng suốt ngày cãi vã. Hai bên không hợp nhau cả về tư tưởng quan điểm

và cách sống. Sau 5 năm chung sống thì anh T đã bỏ bê vợ con để chơi cờ bạc, cá độ bóng đá. Anh T tính tình gia trưởng bảo thủ nóng nảy không nghe góp ý của ai, đặc biệt vợ con. Anh T không lo lắng vun vén cho cuộc sống gia đình chung. Mặc dù anh T cũng có thu nhập ổn định nhưng anh không quan tâm gì đến vợ con, không cùng vợ chăm sóc nuôi dạy con chung về cả kinh tế cũng như tình cảm gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân từ lâu. Chị H luôn sống trong tình cảnh lo lắng, bất an vì các mối quan hệ phức tạp của anh T bên ngoài xã hội. Đến nay chị H không còn tình cảm với chồng nữa vì anh T không yêu thương, quan tâm mẹ con chị. Vì vậy, nguyện vọng của chị là xin được ly hôn anh T để ổn định cuộc sống, công việc và nuôi con.

Về con chung: Chị H thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Lưu Đức T, sinh ngày 14/4/2017 hiện tại đang ở với chị H. Nguyện vọng của chị H sau khi ly hôn muốn được nuôi con và anh Lưu Đức T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đến khi cháu T tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung để vợ chồng chị tự thỏa thuận.

***Về bị đơn anh T:**

Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh T vẫn cố tình không đến Tòa án theo giấy triệu tập nên không có bản tự khai.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã tiến hành triệu tập các bên đương sự đến làm bản tự khai, gửi giấy triệu tập cho các bên đương sự, tiến hành hai phiên hòa giải. Anh T không đến Tòa án làm bản tự khai, đến làm việc theo các giấy triệu tập phiên hòa giải của Tòa án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng trực tiếp được vì anh T thường xuyên vắng nhà; có xác nhận của Tổ dân phố 8, phường L, đồng thời thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng cần tổng đạt. Bị đơn anh T không đến tham gia phiên hòa giải theo giấy triệu tập nên vụ án thuộc trường hợp không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên kiên quyết xin được ly hôn. Về con chung chị H vẫn có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dạy con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 9 năm 2022 đến khi cháu T tròn 18 tuổi. Về tài sản vợ chồng chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, HTND đã được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền lợi và nghĩa vụ của mình. Căn cứ vào quá trình giải quyết vụ án, tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho chị Trần Thị Thu H được ly hôn với anh Lưu Đức T. Chị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung là cháu Lưu Đức T, sinh ngày 14/4/2017 hiện tại đang ở với

chị H. Anh Lưu Đức T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đến khi cháu T tròn 18 tuổi. Về tài sản chung không có nên không xem xét.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; là nơi bị đơn anh Lưu Đức T, sinh năm 1991; có đăng ký HKTT: phường Bắc L, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã ra thông báo thụ lý vụ án và gửi cho các bên đương sự kèm theo giấy triệu tập đến Tòa án, thông báo về phiên hòa giải, tiếp cận chứng cứ. Anh T không đến làm việc theo các giấy triệu tập của Tòa án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Bị đơn anh T không đến tham gia phiên hòa giải theo giấy triệu tập nên vụ án thuộc trường hợp không thể tiến hành hòa giải được.

Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng cư trú của bị đơn và đã nhận được Văn bản số 2229/CADH- QLHC ngày 28/6/2022 của Công an thành phố Đồng Hới xác nhận: Công dân Lưu Đức T, sinh ngày 19/11/1991 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố 8, phường L, thành phố H, tỉnh Quảng Bình và chưa cắt chuyển hộ khẩu đi đâu; Số hồ sơ hộ khẩu: 18859-001537; chủ hộ là Lưu Đức N; quan hệ với chủ hộ là con; hiện nay Lưu Đức T không có mặt tại địa phương. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo luật định. Ngày 02/8/2022 Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới nhưng bị đơn anh T vắng mặt không có lý do tại phiên tòa lần thứ nhất. Do đó, HĐXX ra Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2022/ QĐST-HNGĐ ngày 02/8/2022 và ấn định thời gian xét xử vào ngày 29/8/2022 theo đúng quy định tại Điều 227, 233 Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng bị đơn anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần 2 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Bị đơn anh T đều vắng mặt trong quá trình hòa giải và xét xử vụ án, tức là bị đơn cố tình từ bỏ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 68, 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lưu Đức T.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cấp có thẩm quyền. Vì vậy, hôn nhân

của hai người là hoàn toàn hợp pháp; anh chị đã có thời gian khá dài chung sống; lẽ ra anh chị phải biết thương yêu, nhường nhịn, tôn trọng, tin tưởng nhau cùng nhau chia sẻ khó khăn xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng ngược lại anh chị không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững, cuộc sống chung vợ chồng trong nhiều năm gần đây luôn xảy ra mâu thuẫn, bất đồng. Nguyên nhân vợ chồng bất đồng trong cách sống, cách xử sự với nhau, thiếu tin tưởng nhau, từ đó vợ chồng có những lời nói và hành động tổn thương đến tình cảm vợ chồng. Không ai quan tâm đến ai, thiếu bàn bạc thống nhất vợ chồng, tình cảm vợ chồng mất mát dần. Mâu thuẫn của vợ chồng đã kéo dài từ nhiều năm nay nhưng hai bên không thể khắc phục và ngày càng căng thẳng do không tìm được tiếng nói chung; đã nhiều năm nay vợ chồng sống ly thân không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ vợ chồng trong thực tế đời sống. Đến nay chị H không còn tình cảm với chồng nữa vì anh T không yêu thương mẹ con chị.

Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên kiên quyết xin được ly hôn, anh T biết rõ vụ kiện nhưng cũng không có ý gì muốn níu kéo hôn nhân mà thờ ơ để mặc, anh cũng không mong muốn được Tòa án hòa giải, thể hiện ở việc anh không đến tham gia các phiên họp, làm việc, hòa giải mà Tòa án triệu tập. Ngày 14/7/2022, Tòa án đã lập Biên bản xác minh đối với bà Lê Thị T-mẹ đẻ anh T, xác nhận anh T hiện vẫn cư trú tại tổ dân phố 8, phường L nhưng thường xuyên vắng nhà, công việc không ổn định. Bà T đã nhận được thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo hòa giải và các văn bản của Tòa án và thông báo lại cho anh T nhưng anh T không có ý kiến gì, chỉ nói “H muốn làm gì thì làm”. Về vấn đề con chung, gia đình thừa nhận anh T-chị H có 01 con chung là cháu Lưu Đức T sinh năm 2017. Hiện nay, cháu T đang sống với mẹ tại nhà ngoại, gia đình bà T có nguyện vọng giao cháu T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng vì cháu còn nhỏ. Việc anh T-chị H ly hôn bà không có ý kiến gì.

Như vậy, quá trình giải quyết vụ án, anh T đã biết việc chị H khởi kiện ly hôn nhưng không có ý kiến gì, không đến Tòa theo giấy triệu tập cũng như các phiên hòa giải thể hiện ý thức bỏ mặc, không quan tâm đến cuộc hôn nhân. Điều đó thể hiện rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục, tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung hạnh phúc nên cần thiết phải cho chị H được ly hôn anh T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung:

Chị Hằng thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Lưu Đức T, sinh ngày 14/4/2017. Hiện cháu T đang sống cùng chị H tại Tổ dân phố Thủy S, phường L, thị xã Đ, tỉnh Quảng Bình. Nguyên vọng của chị H sau khi ly hôn muốn được nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét nguyện vọng của chị H muốn trực tiếp nuôi dưỡng con chung là chính đáng vì cháu còn nhỏ nên cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ và cũng phù hợp với nguyện vọng gia đình nhà chồng chị H muốn được giao cháu T cho chị H trực

tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị H có đủ điều kiện để nuôi con, hơn nữa anh T cũng biết rõ vụ kiện nhưng cũng không có ý gì muốn níu kéo hôn nhân mà thờ ơ để mặc, anh cũng không mong muốn được Tòa án hòa giải, không trình bày nguyện vọng của mình về con chung. Căn cứ hoàn cảnh thực tế cháu T còn nhỏ, cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ; Căn cứ Điều 81, khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu Lưu Đức T, sinh ngày 14/4/2017 cho chị Trần Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Trần Thị Thu H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng đến khi cháu T tròn 18 tuổi. Chị H khai thu nhập trung bình của chị khoảng 7.000.000 đồng/tháng. Chị H thừa nhận anh Tiến vẫn có công việc và thu nhập ổn định, Hội đồng xét xử thấy rằng chị Trần Thị Thu H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 9 năm 2022 đến khi cháu T tròn 18 tuổi là phù hợp, có căn cứ nên cần chấp nhận.

[2.3] Về chia tài sản và nợ chung: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ chung, để vợ chồng chị tự thỏa thuận. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Áp dụng khoản 5 khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 31AA/2021/0001154 ngày 18/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: Anh T phải chịu 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị Trần Thị Thu H được ly hôn anh Lưu Đức T.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao con chung cháu Lưu Đức T, sinh ngày 14/4/2017 cho chị Trần Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và buộc anh Lưu Đức T phải có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị Trần Thị Thu H mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 9 năm 2022 cho đến khi cháu Lưu Đức T trưởng thành tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con chung; không ai được ngăn cản người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn để sung quỹ Nhà nước. Số tiền chị Trần Thị Thu H phải nộp được khấu trừ từ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Trần Thị Thu H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới theo biên lai số 31AA/2021/0001154 ngày 18 tháng 4 năm 2022.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: Anh Lưu Đức T phải chịu 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/8/2022); bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

Nơi nhận:

- VKSND TP Đồng Hới;
- TAND Tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THA DS TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- UBND p. Hoà P, q. Cẩm L, tp Đà Nẵng;
- Lưu án, Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Hoa

